

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUYỀN BẢO CHỮA TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN PHÚ LÂM*

Tóm tắt: Việt Nam đang trong định hướng cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Một nhà nước mà ở đó, quyền con người được tôn trọng và bảo vệ không chỉ dừng lại ở các tuyên bố chính trị, ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật mà còn được bảo vệ trong thực tế. Quyền con người là một giá trị thiêng liêng bất khả xâm phạm, được thể hiện trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực tố tụng hình sự. Bài viết hệ thống một số vấn đề lý luận về bảo chữa, quyền bảo chữa trong tố tụng hình sự, từ đó có những đề xuất nhằm tiếp tục hoàn thiện các chế định pháp luật tố tụng hình sự của Việt Nam.

Từ khoá: Bảo chữa bắt buộc, tố tụng hình sự, quyền con người

Ngày nhận bài: 12/10/2023; Biên tập xong: 30/10/2023; Duyệt đăng: 22/12/2023

SOME ISSUES REGARDING DEFENSE RIGHTS IN VIETNAMESE CRIMINAL PROCEDURES

Abstract: Vietnam is oriented towards judicial reform and perfecting the legal system to build the socialist rule-of-law State of the people, by the people and for the people. A state in which human rights are respected and protected and it is not limited to political declarations and recorded in the Constitution and laws, but is also protected in practice. Human rights are an inviolable sacred value, expressed in many areas of social life, including criminal procedures. The article systematizes a number of theoretical issues on defense and the right to defense in criminal procedures, from which there are proposals to continue improving Vietnamese criminal procedure legal institutions.

Keywords: Compulsory defense, criminal procedures, human rights

Received: Oct 12th, 2023; **Editing completed:** Oct 30th, 2023; **Accepted for publication:** Dec 22nd, 2023

1. Khái niệm quyền bảo chữa trong tố tụng hình sự

Trên thực tế, quyền con người trong tố tụng hình sự luôn là quyền dễ bị xâm phạm và bị tổn thương nhất, thể hiện ở quyền được sống, quyền tự do và sinh mệnh chính trị của một cá nhân. Quyền con người trong tố tụng hình sự ngày càng được mở rộng, bao gồm: (1) Quyền được xét xử công bằng bởi nguyên tắc tố tụng hình sự; (2) Quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và một số quyền tự do cá nhân khác (mọi trường hợp áp dụng các biện pháp cưỡng chế trách nhiệm hình sự phải trên cơ sở luật định); (3) Quyền được suy đoán vô

tội; (4) Quyền được bảo chữa và biện hộ; (5) Người chưa thành niên và người bị hạn chế về năng lực hành vi, nhận thức được áp dụng thủ tục tố tụng hình sự đặc biệt; (6) Quyền kháng cáo bản án để xét xử phúc thẩm; (7) Quyền được nhanh chóng minh oan, xin lỗi và đền bù thiệt hại do lỗi của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra; (8) Quyền không bị kết tội hai lần về cùng một hành vi...; (9) Các quyền con người trong thi hành án hình sự và sau xét xử...

Trong tố tụng hình sự, có 3 nhiệm vụ cơ bản là: buộc tội, gỡ tội (bào chữa) và xét xử. Các lĩnh vực này luôn có mối quan

* Email: Luatsu.lam76@gmail.com

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh Học viện Khoa học xã hội

hệ gắn bó mật thiết với nhau, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Việc tồn tại bào chữa với buộc tội và xét xử là nhu cầu tất yếu khách quan, xuất phát từ mục đích cao nhất của tố tụng hình sự là tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

Quyền bào chữa là một trong rất nhiều quyền của công dân, là một bộ phận hợp thành của quyền được bảo vệ lợi ích hợp pháp của công dân. Bào chữa là hành vi của người đưa ra các tình tiết và chứng cứ nhằm chứng minh cho sự không có lỗi hoặc giảm nhẹ lỗi của mình. Vì vậy, quyền bào chữa chỉ thuộc về người nào bị coi là có lỗi, có tội. Mối quan hệ giữa “quyền bào chữa” với “quyền bào chữa trong tố tụng hình sự” là mối quan hệ giữa luật chung và luật riêng cũng như mối quan hệ giữa “bào chữa lỗi” và “bào chữa tội trong tố tụng hình sự”.

Quyền bào chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự là một trong những chế định quan trọng và phức tạp, vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính thực tiễn cao. Khái niệm, nội dung, đối tượng của quyền bào chữa hiện nay vẫn còn có những ý kiến khác nhau. Đặc biệt, việc thực hiện quyền này trong thực tế như thế nào còn gặp rất nhiều tranh luận do có những quan điểm trái chiều, bất đồng ý kiến. Cụ thể là:

(1) Quan điểm thứ nhất: Quyền bào chữa là hành vi của những người tiến hành tố tụng nhằm bác bỏ sự buộc tội, xác định một người không phạm lỗi hoặc làm giảm trách nhiệm pháp lý¹.

(2) Quan điểm thứ hai: Quyền bào chữa không chỉ là việc bác bỏ sự buộc tội và xác định bị can không có lỗi hay làm

giảm trách nhiệm pháp lý mà còn được thể hiện trong cả việc bảo đảm các quyền và lợi ích được pháp luật bảo vệ, kể cả khi các quyền này không trực tiếp liên quan đến quyền bào chữa trong quá trình tiến hành tố tụng².

(3) Quan điểm thứ ba: Quyền bào chữa không chỉ thuộc về bị can, bị cáo mà còn thuộc về người bị tình nghi phạm tội, người bị kết án, người bào chữa, bị đơn dân sự và người được giám hộ của họ³.

(4) Quan điểm thứ tư: Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự là tổng hòa các hành vi tố tụng do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng nhằm làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm pháp lý của mình⁴.

(5) Quan điểm thứ năm: Trong tố tụng hình sự, bị can, người bị tình nghi cũng như những công dân tham gia trong tố tụng hình sự với tư cách khác, trong đó có cả người bị hại đều cần tới sự bảo vệ các lợi ích có thể bị xâm hại⁵. Như vậy, quyền bào chữa thậm chí có cả trong trường hợp không có sự buộc tội. Quan điểm này cho thấy, *“không chỉ có bị cáo mà cả người bị hại cũng cần đến việc bào chữa. Nhân chứng, giám định viên và cả những người khác cũng vậy, nếu quyền lợi của họ bị xâm hại”*⁶.

(6) Quan điểm thứ sáu: Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là tổng thể các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy

² Phạm Hồng Hải, *Tlđđ*, tr.18.

³ Phạm Hồng Hải, *Tlđđ*, tr.24.

⁴ Phạm Hồng Hải, *Tlđđ*, tr.29-30.

⁵ Nguyễn Ngọc Chí, *Sách chuyên khảo “Quyền con người trong lĩnh vực Tư pháp hình sự”*. NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr.17.

⁶ Phạm Hồng Hải, *tlđđ*, tr.107.

¹ Phạm Hồng Hải, *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*. NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 1999, tr.14.

định, cho phép bị can, bị cáo có thể sử dụng nhằm bác bỏ một phần hay toàn bộ sự buộc tội và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự⁷.

Xem xét 06 quan điểm nêu trên cho thấy, với *quan điểm thứ nhất* và *quan điểm thứ hai*, quyền bảo chữa là quá hẹp và chưa đủ. Một người tham gia tố tụng với tư cách là bị can khi cơ quan có thẩm quyền có đủ căn cứ xác định họ là người đã thực hiện hành vi phạm tội và ra quyết định khởi tố bị can đối với họ. Trong tố tụng hình sự, khái niệm bị can chỉ tồn tại cho đến thời điểm trước khi tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau đó, họ tham gia tố tụng với tư cách là bị cáo.

Như vậy, khi chưa được coi là bị cáo, họ vẫn được pháp luật bảo đảm quyền bảo chữa, quyền công dân và quyền con người một cách toàn diện nhất. Khi chưa được coi là có tội, quyền bảo chữa của họ mới được thể hiện rõ nét nhất, được bình đẳng, công khai đưa ra các chứng cứ; được tham gia tranh luận tại phiên tòa... để thanh minh, bác bỏ lời buộc tội và để bảo chữa cho chính mình⁸. Trong quá trình tiến hành tố tụng, đặc biệt ở giai đoạn xét xử, đây chính là thời điểm quyết định một người có tội hay vô tội nên không thể tước đi quyền tự bảo vệ của họ tại thời điểm quan trọng nhất của vụ án.

Khi bàn đến *quan điểm thứ ba* và *quan điểm thứ năm* cho thấy, quyền bảo chữa không chỉ thuộc về bị can mà còn thuộc về những người tham gia tố tụng khác nữa, như bị cáo, người bị tình nghi phạm tội, người bị kết án, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự... Như vậy, quyền

bảo chữa là quá rộng, không hoàn toàn đúng với nghĩa bảo chữa trong tố tụng hình sự, có sự nhầm lẫn giữa quyền bảo chữa và quyền bảo vệ các lợi ích hợp pháp khác của người tham gia tố tụng.

Ở *quan điểm thứ sáu*, ngoài bị can, bị cáo thì người bị triệu tập vì bị tố giác, người bị tạm giữ hành chính, người bị bắt, tạm giữ cũng là đối tượng bị buộc tội và cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã có những tác động tới quyền công dân và áp dụng các biện pháp điều tra đối với họ như lấy lời khai, thu thập chứng cứ. Vì vậy, quy định cho người bị triệu tập, bị bắt, tạm giữ có quyền bảo chữa để bảo vệ mình là hoàn toàn hợp lý và đương nhiên pháp luật quy định cho họ quyền bảo chữa.

Đối với *quan điểm thứ tư*, cách hiểu như vậy là quá rộng. Người bị kết án là người đã có bản án có hiệu lực của Tòa án kết luận là có tội và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Nếu nói rằng họ có quyền bảo chữa thì vô hình chung đã làm mất hiệu lực của bản án và như vậy, tố tụng hình sự sẽ không có điểm dừng⁹.

Quyền bảo chữa cũng cần được mở rộng để thích nghi với đòi hỏi của thực tiễn. Quyền bảo chữa tồn tại trong các giai đoạn của tố tụng hình sự; ở đâu có buộc tội thì ở đó có bảo chữa. Quyền bảo chữa không chỉ xuất hiện từ khi có quyết định khởi tố bị can mà còn xuất hiện từ khi một người bị tố giác, bị tình nghi trong việc thực hiện tội phạm và kết thúc khi nào? Sự buộc tội chỉ bằng một bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án, bằng sự thật khách quan, xác định rõ được tội

⁷ Hoàng Thị Sơn (2003), *Thực hiện quyền bảo chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.14.

⁸ Hoàng Thị Sơn, *tlđd*, tr.9.

⁹ Nguyễn Hữu Thế Trạch (2014), *Quyền bảo chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.33.

phạm của vụ án. Sự buộc tội đối với một người (hay một nhóm người) không chỉ kết thúc sau khi có bản án kết tội của tòa án có hiệu lực pháp luật, sự buộc tội còn kéo dài cho tới khi người đó chấp hành xong bản án.

Thông thường, các bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án, tuy nhiên vẫn còn các thủ tục đặc biệt như tái thẩm, giám đốc thẩm. Thực tiễn đã có những vụ án người bị buộc tội kêu oan từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và cả khi chấp hành bản án đã có hiệu lực pháp luật người bị kết án vẫn kêu oan. Từ sự kêu oan đó, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã xem xét, chấp nhận và ra phán quyết; bằng quyết định giám đốc thẩm đã tuyên hủy toàn bộ những bản án sơ thẩm, phúc thẩm trước đó, tiến hành điều tra lại. Cơ quan tiến hành tố tụng đã lật lại vụ án tìm ra thủ phạm thật sự và minh oan cho người bị kết án.

Đối với hành vi “kêu oan” của người bị kết án, đây có phải là một phần của quyền bào chữa mở rộng không? Xét về khoa học pháp lý, hành vi “kêu oan” của người bị kết án cũng là một việc làm chống lại, bác bỏ sự buộc tội đối với người đó. Vấn đề này cần phải được các nhà khoa học tìm hiểu, nghiên cứu thêm một cách thấu đáo.

Trên cơ sở kế thừa và tiếp thu những điểm tích cực của các quan điểm nêu trên, có thể hiểu: “*Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự là tổng hợp các quyền mà pháp luật cho phép người bị buộc tội được sử dụng để chống lại, bác bỏ một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm làm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm của mình trong vụ án hình sự*”.

2. Quy định về quyền bào chữa theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

2.1. Cơ sở pháp lý của quyền bào chữa

Quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự là tổng thể các quyền và những biện pháp tố tụng cần thiết bảo đảm cho người bị buộc tội có khả năng bày tỏ thái độ của mình, lưu ý các cơ quan tiến hành tố tụng về những tình tiết này hay tình tiết khác của vụ án; khả năng nêu ra những tình tiết minh oan hoặc giảm nhẹ tội cho người bị buộc tội. Nếu như quyền bào chữa là khả năng sử dụng những quyền tố tụng để bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp thì biện pháp bào chữa là các hành động cụ thể để thực hiện quyền đó (viết đơn khiếu nại, kháng cáo, tranh luận...).

Quyền bào chữa được nêu trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) quy định cho người bị buộc tội được thực hiện để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình trước việc các cơ quan và những người tiến hành tố tụng đã khởi tố vụ án hình sự; khởi tố họ với tư cách bị can hoặc đã quyết định truy tố và đưa họ ra xét xử (bao gồm cả quyền họ được chứng minh là mình không có tội hoặc có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự). Trong khi đó, bảo đảm quyền bào chữa được xem là cơ chế thực hiện quyền bào chữa, ghi nhận trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng, các tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước khác phải tạo điều kiện giúp người bị buộc tội nói chung thực hiện quyền bào chữa.

Trong lịch sử pháp luật tố tụng hình sự trước đây, địa vị pháp lý của bị can, bị cáo chưa được xác định rõ ràng nên họ thường bị coi là có tội và một khi đã bị coi là có tội, mặc nhiên các quyền cơ bản của họ sẽ bị tước, như quyền con

người, quyền công dân¹⁰. Các nhà lập pháp đã sớm nhận thức được ý nghĩa của nguyên tắc bảo chữa trong hoạt động tố tụng hình sự nên ngay từ BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003 đã cụ thể hóa quyền bảo chữa, là quyền được Hiến định của bị can, bị cáo. Sau này, việc bổ sung thêm quy định về người bị tạm giữ đã bảo đảm yêu cầu được thực hiện quyền bảo chữa cho các chủ thể trên thành một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự (Điều 11 BLTTHS năm 2003). BLTTHS năm 2015 tiếp tục mở rộng quyền bảo chữa, bổ sung thêm người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố có quyền “*tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ...*” (Điều 11) và không còn dùng cụm từ bị can, bị cáo mà thay vào đó là người bị buộc tội.

Hiện nay, với nguyên tắc coi người bị buộc tội là những người chưa có tội nên pháp luật tố tụng hình sự đã dành cho họ nhiều quyền trong suốt các giai đoạn tiến hành tố tụng. Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Mục đích của những quy định này chủ yếu là đặt ra những yêu cầu đối với các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng phải có sự thận trọng, vô tư và đề cao tinh thần trách nhiệm, làm rõ các chứng cứ buộc tội cũng như gỡ tội, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, tránh làm oan người vô tội và bỏ lọt người phạm tội.

Việc nâng cao hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật không thể thiếu sự củng cố và tăng cường nguyên tắc bảo đảm quyền bảo chữa của người bị buộc

tội. Nếu như quyền bảo chữa là khả năng sử dụng những quyền tố tụng để bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp thì biện pháp bảo chữa là các hành động cụ thể để thực hiện quyền bảo chữa như làm đơn khiếu nại, kháng cáo...

Quyền bảo chữa là một quyền tố tụng quan trọng, là hình thức chủ đạo thực hiện chức năng bảo chữa của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Chủ thể này được quyền sử dụng tất cả những biện pháp mà pháp luật không cấm để chống lại, bác bỏ, phủ nhận lời buộc tội của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình trong vụ án.

Ngoài ra, trên cơ sở tôn trọng quyền bảo chữa của người bị buộc tội, các cơ quan tiến hành tố tụng phải thận trọng, trách nhiệm hơn trước, trong và sau khi đưa ra quyết định gây bất lợi cho người bị buộc tội. Chính vì sự thận trọng đó làm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, công bằng, dân chủ và khi đó nguyên tắc suy đoán vô tội được thực hiện trong thực tiễn. Ngược lại, việc không ghi nhận hoặc hạn chế quyền bảo chữa của người bị buộc tội không chỉ vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc suy đoán vô tội mà còn có thể làm cho các cơ quan tiến hành tố tụng độc đoán, xâm phạm đến quyền con người của người bị buộc tội.

2.2. Nội dung quyền bảo chữa trong tố tụng hình sự

Quyền bảo chữa là một quyền lợi đặc thù, cơ bản của công dân, là nguyên tắc hiến định được tất cả các bản Hiến pháp ghi nhận. Khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ hơn về quyền bảo chữa của công dân, cụ thể: “*Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư bào*

¹⁰ Phạm Xuân Chiến, Vũ Đức Khiển, *Họ vẫn chưa bị coi là có tội - Quyền và nghĩa vụ của bị can, bị cáo*, NXB. Pháp lý, Hà Nội, 2014, tr.20.

chữa hoặc nhờ người khác bào chữa”. Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng phạm vi các đối tượng được bảo đảm quyền bào chữa, không chỉ bị cáo mới có quyền bào chữa mà ngay từ khi một người bị bắt đã phát sinh quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư bào chữa đối với họ, được bảo đảm bởi đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất là Hiến pháp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp, thể chế hóa ở một mức độ cao hơn đối với các quy định về bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo ở Điều 57 - 61 BLTTHS năm 2015; quy định về việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội tại Điều 16: *“Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này”*.

Như vậy, BLTTHS Việt Nam thừa nhận quyền bào chữa gồm: *Quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa*. Đây chính là bước phát triển về chất của chế định quyền bào chữa trong luật tố tụng hình sự của nước ta, đồng thời hoàn toàn phù hợp với lý luận tố tụng hình sự hiện đại trên thế giới.

(1) *Quy định quyền tự bào chữa* là quyền tố tụng đặc thù được pháp luật ghi nhận và bảo đảm, cho phép người bị buộc tội tự thực hiện các hành vi tố tụng và quyền tố tụng nhằm minh oan, bác bỏ sự buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình. Tự bào chữa là một trong những hình thức thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội và là nội dung quan trọng của quyền bào chữa trong tố tụng hình sự. Pháp luật cho phép họ được tự mình thực hiện các hành vi tố tụng, như

dùng lý lẽ đưa ra chứng cứ và những yêu cầu có lợi cho mình khi tham gia tố tụng mà không nhất thiết phải có sự tham gia của người bào chữa.

Để thực hiện quyền tự bảo vệ mình trước sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng, BLTTHS quy định cho người bị buộc tội được thông báo về hành vi bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố; được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ; trình bày lời khai, trình bày ý kiến; đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; được thông báo kết quả giải quyết tố giác, kiến nghị khởi tố; được biết lý do mình bị tạm giữ; nhận quyết định tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ, quyết định phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ và các quyết định tố tụng khác; không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu; được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ; được biết mình bị khởi tố về tội gì; được nhận quyết định khởi tố, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng, quyết định truy tố; các quyết định tố tụng khác theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; kháng cáo bản án, quyết định của tòa án; khiếu nại

quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng...

(2) *Quyền nhờ người khác bào chữa*: Đây là hình thức giúp đỡ pháp lý của luật sư hay những người khác theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ cho người bị buộc thực hiện quyền bào chữa của mình khi họ không đủ khả năng tự mình thực hiện hoặc trong những trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có người bào chữa nhằm bảo đảm tính khách quan và tính hợp pháp của các hoạt động tố tụng hình sự. Quyền nhờ người khác bào chữa là một phần quyền bào chữa và là một bảo đảm quan trọng để người bị buộc tội thực hiện các quyền tố tụng khác mà pháp luật quy định để bào chữa trước sự buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng.

Thực tiễn cho thấy, không phải người bị buộc tội nào cũng có khả năng thực hiện quyền tự bào chữa một cách có hiệu quả. Sự tham gia tố tụng của người bào chữa là rất cần thiết, bằng kinh nghiệm nghề nghiệp và sự hiểu biết của mình, người bào chữa tham gia vào quá trình giải quyết vụ án để có thể giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Đồng thời, sự tham gia của người bào chữa cũng góp phần vào việc xác định sự thật của vụ án, không để người bị buộc tội oan sai.

Việc thực hiện quyền bào chữa thông qua sự trợ giúp của người bào chữa luôn đi đôi với những bảo đảm pháp lý không chỉ đối với người bị buộc tội mà đối với cả người bào chữa của họ. Trong một chừng mực nhất định, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng là yếu tố quyết định hiệu quả trong hoạt động bào chữa của người bào chữa. Và người bào chữa là người bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội

trước sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Quyền được nhờ người khác bào chữa là một quyền cơ bản của người bị buộc tội, song song với quyền tự bào chữa. Họ có thể đồng thời tự mình thực hiện việc bào chữa và nhờ người khác bào chữa. Việc lựa chọn người bào chữa phụ thuộc vào ý chí của người bị buộc tội (Điều 75, 77 BLTTHS năm 2015). Họ có quyền mời, thay đổi hoặc từ chối người bào chữa.

Như vậy, quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa là hai đặc điểm của quyền bào chữa, có tác dụng bổ sung cho nhau chứ không triệt tiêu lẫn nhau và có thể cùng song song tồn tại. Điều này có nghĩa là, khi người bị buộc tội nhờ người khác bào chữa cho mình thì họ vẫn có quyền tự bào chữa và ngược lại. Ví dụ như tại phiên tòa, sau khi Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, bị cáo được quyền trình bày lời bào chữa, hoặc nếu bị cáo có nhờ người bào chữa và sau khi bào chữa xong cho bị cáo thì bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa.

3. Một số đề xuất nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về quyền bào chữa

Quyền bào chữa được xem như là phương tiện pháp lý cần thiết để những chủ thể nói trên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc thừa nhận quyền bào chữa là thừa nhận tính tranh tụng trong hoạt động tố tụng, điều kiện không thể thiếu được cho việc xét xử khách quan, công minh. Do vậy, để hạn chế khả năng làm oan sai người vô tội trong xét xử và nhằm hoàn thiện các chế định quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự, cần nghiên cứu, mở rộng phạm vi quyền bào chữa. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng

trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và cải cách tư pháp nói riêng ở nước ta hiện nay. Cụ thể là:

Thứ nhất, xét từ góc độ quy định pháp luật, việc nghiên cứu mở rộng quyền bào chữa trong tố tụng hình sự là cần thiết. Trong đó, tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, người bào chữa, lựa chọn và chỉ định người bào chữa, mở rộng các trường hợp bào chữa bắt buộc, thời điểm tham gia tố tụng của người bào chữa và các hoạt động tham gia tố tụng khác của người bào chữa để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ nhằm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật sát với thực tiễn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo vệ nghiêm minh pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, việc mở rộng quyền bào chữa đối với người bào chữa tham gia trợ giúp bào chữa cho người bị buộc tội, cần có những quy định về mức độ bảo đảm lợi ích quốc gia, về việc bảo đảm giữ bí mật theo quy định cam kết của người bào chữa hoặc có những chế tài về xử phạt hành chính hay về hình sự khi có vi phạm pháp luật. Theo đó, cho phép người bào chữa tham gia trong quá trình tố tụng mà không bị hạn chế vai trò và thẩm quyền của mình.

Thứ ba, nâng cao hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật chính là củng cố và tăng cường nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội. Trong đó, cần tiếp tục bảo đảm quyền bào chữa (quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa) của người bị buộc tội, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố được quy định rõ trong BLTTHS năm 2015. Đây chính là bước phát triển về chất của chế định quyền bào chữa trong luật tố tụng

hình sự của nước ta, đồng thời hoàn toàn phù hợp với lý luận về tố tụng hình sự hiện đại trên thế giới.

Thứ tư, bảo đảm quyền bào chữa chính là cơ chế thực hiện quyền bào chữa, ghi nhận trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng, các tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước khác phải tạo điều kiện cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa. Chính vì vậy, cần tăng cường trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền bào chữa.

Tóm lại, cần có những bảo đảm, phương tiện pháp lý cần thiết để những chủ thể nói trên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Thừa nhận quyền bào chữa là thừa nhận tính tranh tụng trong hoạt động tố tụng, điều kiện không thể thiếu được cho việc xét xử khách quan, công minh. Do đó, càng mở rộng phạm vi quyền bào chữa thì càng mở rộng tính tranh tụng và kết quả tương ứng là sẽ hạn chế, loại trừ khả năng làm oan sai người vô tội trong tố tụng hình sự./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) năm 1966.
2. Hiến pháp năm 2013.
3. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
4. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).
5. Nguyễn Hòa Bình, *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, NXB. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016.
6. Phan Trung Hoài, *Những điểm mới về chế định bào chữa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, NXB. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016.
7. Nguyễn Thái Phúc (2009), *Đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.